TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81**/2021/HSPT
Ngày: 19-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với **bị cáo Phạm Thị Thúy V, bị cáo Lê Thị Kim T** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng nghị, kháng cáo:

1. Phạm Thị Thúy V, sinh năm 1970 tại Bình Định; nơi ĐKHKTT: 194 đường T1, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; chỗ ở: 263/11/21 đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Th (chết) và bà Phạm Thị Ph (chết); chồng: Phùng Hữu Ch (chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16-02-2017; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Kim T, sinh năm 1983 tại Bình Định; nơi cư trú: thôn A1, xã P1, huyện T2, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê

Huy H, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1957; chồng: Trương Tấn B1, sinh năm: 1972 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa***:

- Ông Lê Văn Kh - Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH MTV SQ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy V; có mặt.

- Ông Hồ Nguyên L1 - Luật sư hoạt động tại công ty luật TNHH MTV TN thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy V; có mặt.

- ***Bị hại***: Ngân hàng A2 (A3) - Chi nhánh Khu công nghiệp P2.

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Đức T3 – Phó Giám đốc. Theo Văn bản số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc và Giấy Ủy quyền số 41/UQ-NHNo.PT ngày 18/01/2021 của ông Trần Minh Q1- Giám đốc Ngân hàng A2 Chi nhánh Khu Công nghiệp P2 Bình Định; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***:

1. Nguyễn Khánh L2, sinh năm: 1993; trú tại: 891 đường B2, xã H2, thành phố B3, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Đào Thị L3, sinh năm: 1983; trú tại: thôn C1, xã P3, huyện T2, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Lê Thị Thanh T4, sinh năm: 1983; trú tại: thôn P4, xã P5, huyện T2, tỉnh Bình Định; có mặt.

4. Lê Đức H3, sinh năm: 1981; trú tại: 74/13 đường N1, phường B, TX.A, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

5. Nguyễn Thế A4, sinh năm: 1975; trú tại: thôn N2, xã P1, huyện T2, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

6. Võ Trường Q2, sinh năm: 1985; trú tại: Xóm 4, thôn C2, xã P3, huyện T2, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

7. Võ Thị Thu H4, sinh năm: 1982; trú tại: 1450 đường H5, Thành phố Q, Bình Định; có mặt.

8. Bà Đặng Thị Hồng T5, cán bộ ngân hàng; có mặt.

9. Trung tâm dịch vụ bnas đấu giá tài sản tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH SX-TM TV được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100664562 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 19-10-2007 và được đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 24-5-2011 với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất chế biến bột nhang, nhang cây xuất khẩu. Người đại diện theo pháp luật là Phạm Thị Thúy V - Giám đốc công ty.

Vào ngày 17-10-2011, Công ty TV lập phương án kinh doanh năm 2011 và giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh Khu công nghiệp P2 (gọi tắt là Ngân hàng); qua công tác thẩm định, Ngân hàng đồng ý ký Hợp đồng tín dụng số 4309LAV-200901509 ngày 25-11-2011 có hạn mức tín dụng 14.000.000.000đồng nhằm bổ sung vốn lưu động để sản xuất nhang xuất khẩu, với thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân không quá 06 tháng, thời hiệu của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký; Hợp đồng tín dụng này đã được ký lại phụ lục gia hạn thêm thời hiệu 12 tháng kể từ ngày 25-11-2012. Theo nội dung của Hợp đồng thì điều kiện và thủ tục giải ngân là: Mỗi lần nhận tiền vay bên vay ký giấy nhận nợ, kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay phù hợp với mục đích vay vốn (tức là để sản xuất nhang xuất khẩu); bên vay có thể nhận tiền vay nhiều lần nhưng đảm bảo mức dư nợ ở mọi thời điểm không vượt quá hạn mức tín dụng đã ký kết. Vì Hợp đồng 4309LAV-200901509 là hợp đồng tín dụng có khống chế hạn mức dư nợ nên mỗi khi rút vốn, Công ty TV phải lập các chứng từ sau: Giấy nhận nợ; chứng từ mua hàng (phiếu nhập kho hoặc hóa đơn); bảng kê mua hàng hóa; ủy nhiệm chi rút vốn để chuyển trả người cung cấp hàng hoặc giấy lĩnh tiền mặt nếu Công ty đã trả trước tiền mặt cho người cung cấp nguyên liệu, hàng hóa.

Do từ cuối năm 2010 đến tháng 4/2012, Công ty TV đã sử dụng nguồn vốn lưu động để chi phí trong việc sửa chữa, xây dựng lại nhà xưởng mua của Công ty TNHH TB (ở xã C, huyện V1, tỉnh Bình Định) dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn mua nguyên liệu. Trước áp lực trả nợ gốc, lãi cho các món vay đến hạn của các Ngân hàng, trả tiền mua nguyên liệu và sử dụng cho mục đích cá nhân, nên từ tháng 4-2012 V đã nảy sinh ra ý định lập khống chứng từ mua nguyên liệu để rút tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 4309LAV-200901509 nhằm quay vòng đáo hạn cho Ngân hàng cũng như sử dụng riêng cho cá nhân. V đã chỉ đạo cho Lê Thị Kim T là kế toán của Công ty TV lập khống chứng từ nhập kho nguyên liệu bằng cách nói trước số tiền cần vay để T lập phiếu nhập kho trên cơ sở tự cân đối số lượng vỏ, lá Bời Lời cần mua nhân với đơn giá thu mua sao cho có giá trị tương đương hoặc lớn hơn một ít so với số tiền cần vay; còn người đứng

tên người cung cấp nguyên liệu ban đầu là anh Lê Đức H3 có mở tài khoản cá nhân tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh huyện T2 nhằm mục đích khi Ngân hàng giải ngân chuyển tiền về tài khoản của anh H3 (trường hợp Ngân hàng giải ngân vốn vay vào tài khoản cá nhân của người được thụ hưởng) thì anh H3 rút tiền ra đưa lại để V chi sử dụng hoặc chỉ đạo cho T chi sử dụng theo ý của V; đồng thời V và T nhờ anh H3 ký giúp một số phiếu nhập kho khống nhằm hợp thức chứng từ kế toán nói trên. Những món vay khống trong năm 2012, đều được Công ty TV trả nợ khi đến hạn bằng hình thức đảo nợ, tức là dùng những món vay khống sau trả cho món vay khống trước và kéo dài cho đến đầu năm 2013. Tháng 5-2013, sợ Ngân hàng phát hiện việc lập khống chứng từ để rút tiền vay, nên V tiếp tục nhờ thêm anh Nguyễn Thế A4 (công nhân kỹ thuật điện) và anh Võ Trường Q2 (lái xe) của Công ty TV mở tài khoản tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh huyện T2 và đứng tên trên các phiếu nhập kho khống do T lập để rút tiền vay Ngân hàng tương tự như cách thức đã làm như anh H3; đồng thời V và T sử dụng tên của một khách hàng cũ trước đây là Bùi Anh D1 để lập khống chứng từ nhập kho nguyên liệu rút tiền vay; nhờ Lê Thị Thanh T4 và Đào Thị L3 (kế toán viên), Nguyễn Khánh L2 (kế toán trưởng) có một vài lần ký thay trên các chứng từ với vai trò là người phụ trách kế toán. Đến tháng 11-2013, Phạm Thị Thúy V đã chỉ đạo Lê Thị Kim T lập khống 17 bộ chứng từ, Lê Thị Thanh T4 lập khống 01 bộ chứng từ đứng tên các anh H3, A2, Q2, D1; rút vốn vay của Ngân hàng tổng cộng 6.516.000.000đồng; cụ thể:

- Mua nguyên liệu của anh Lê Đức H3 thể hiện ở 02 bộ chứng từ, với 04 phiếu nhập kho, 01 phiếu trong năm 2013, rút tổng cộng 600.000.000đ. Trong đó, anh H3 ký tên ở mục người giao hàng trên 02 phiếu vào các ngày 09 và 11 tháng 9 với tổng khối lượng 26,831kg vỏ và lá cây Bời Lời, rút số tiền 230.000.000đồng; T giả chữ ký của H3 ở mục người giao hàng trên 02 phiếu còn lại ngày 02 và 04 tháng 10 với tổng khối lượng 32,199kg vỏ và lá cây Bời Lời, rút số tiền 370.000.000đồng và giả chữ ký anh H3 ở phần người nhận tiền của phiếu chi tiền ngày 08-10 (rút tiền vay bằng hình thức tiền mặt trực tiếp).

- Mua nguyên liệu của anh Nguyễn Thế A4 thể hiện ở 08 bộ chứng từ với 15 phiếu nhập kho, 03 phiếu chi tiền trong năm 2013, rút tổng cộng 2.604.000.000đồng. Trong đó, anh A4 ký 10 phiếu nhập kho vào các ngày 07, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 19 (hai phiếu) và 20 tháng 9 với tổng khối lượng 150kg vỏ và lá cây Bời Lời, rút 1.729.000.000đồng; T giả chữ ký của anh A4 ở mục người giao hàng trong 04 phiếu nhập kho các ngày 01, 02, 05 và 12 tháng 10 với tổng khối lượng 51,367kg vỏ và lá cây Bời Lời rút 555.000.000đồng và giả chữ ký anh A4 ở phần người nhận tiền trên 03 phiếu chi tiền các ngày 05, 07 và 16 tháng 10; Lê Thị Thanh T4 lập bảng kê thu mua hàng hóa mua vào không có

hóa đơn với số lượng 21,609kg vỏ và lá cây Bời Lời, rút 320.000.000đồng, ký giả tên anh A4 01 phiếu chi tiền ngày 22/11.

- Mua nguyên liệu của anh Lê Đức H3 và Nguyễn Thế A4 thể hiện 01 bộ chứng từ với 06 phiếu nhập kho trong năm 2013, rút số tiền 1.055.000.000đồng. Trong đó H3 ký 03 phiếu các ngày 12, 13, 14 tháng 9 và A4 ký 03 phiếu các ngày 14, 15, 16 tháng 9 ở mục người giao hàng với tổng khối lượng 99,086kg vỏ và lá cây Bời Lời.

- Mua nguyên liệu của anh Võ Trường Q2 thể hiện ở 05 bộ chứng từ với 13 phiếu nhập kho năm 2013, rút tổng cộng 1.897.000.000đồng. Anh Q2 ký 13 phiếu các ngày 18, 20, 22, 23, 25, 28, 29, 30 tháng 5; các ngày 10, 13, 15 tháng 7; ngày 12 và 17 tháng 8 nói trên với tổng khối lượng 244,855kg vỏ và lá cây Bời Lời.

- Mua nguyên liệu của ông Bùi Anh D1 thể hiện ở 02 bộ chứng từ với 02 phiếu nhập kho nguyên liệu ngày 07, 09 tháng 10 và 02 phiếu chi tiền ngày 09, 10 tháng 10 với tổng khối lượng 31.971kg vỏ và lá cây Bời Lời, rút tổng cộng 360.000.000đồng. Các phiếu nhập kho và phiếu chi tiền đều do T giả chữ ký của ông Duật.

Sau khi rút được 6.516.000.000đồng, Phạm Thị Thúy V chỉ đạo cho Lê Thị Kim T trực tiếp sử dụng chi mua nguyên liệu để sản xuất nhang 1.571.000.000đồng, chi tiền mặt và chuyển khoản cho người thân của V 372.500.000đồng, chi trả nợ cũ cho các ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng V2, Ngân hàng A2 Việt Nam chi nhánh Khu công nghiệp P2) và chi phí khác không mua nguyên liệu 1.202.836.000đồng. Còn lại 3.369.664.000đồng, V sử dụng cho mục đích cá nhân không có chứng từ và không ghi chép sổ sách. Đến tháng 7-2014, do không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng đã yêu cầu Công ty TV giao toàn bộ tài sản thế chấp để bán phát mãi thu hồi nợ, trong đó có thu một phần dư nợ của các món vay của 6/18 bộ chứng từ lập khống là 1.690.903.539đồng. Như vậy, Phạm Thị Thúy V và Lê Thị Kim T đã dùng thủ đoạn gian dối để rút tiền vay của Ngân hàng 6.516.000.000đồng, mua nguyên liệu để sản xuất nhang 1.571.000.000đồng, Ngân hàng bán phát mãi tài sản của Công ty TV thu hồi được 1.690.903.539đồng; còn lại 3.254.096.461đồng, Phạm Thị Thúy V chiếm đoạt để trả nợ ngân hàng và sử dụng cho mục đích cá nhân. Ngày 10-8-2016, Ngân hàng A2 - Chi nhánh Khu công nghiệp P2 có đơn tố cáo gửi Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bình Định để xử lý đối với Phạm Thị Thúy V, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi được vốn vay.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Thúy V, Lê Thị Kim T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Thúy V 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kim T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Kim T cho UBND xã Phước Sơn, huyện T2, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019 bị cáo Phạm Thị Thúy V kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 06/12/2019 bị cáo Lê Thị Kim T kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 02/12/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Thúy V, Lê Thị Kim T và không cho bị cáo T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Thị Thúy V giữ yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Kim T rút kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Quá trình điều tra vụ án còn tồn tại một số vấn đề như: Việc kết tội bị cáo V và T chiếm đoạt 6,5 tỷ của Ngân hàng là chưa đủ cơ sở, hai cán bộ ngân hàng là Võ Thị Thu H4 và Đặng Thị Thu Thảo có dấu hiệu tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng ". Tài sản thế chấp theo thẩm định ban đầu 15,4 tỷ nhưng bán đấu

giá chỉ được hơn 7 tỷ, chênh lệch hơn 8 tỷ đồng chưa rõ nguyên nhân, hồ sơ vụ án còn có nhiều mâu thuẫn có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là cán bộ Ngân hàng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 BLTTHS hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra lại theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thúy V trình bày quan điểm: Công ty TV vay vốn Ngân hàng có thế chấp tài sản được Ngân hàng thẩm định giá trị ban đầu 15,4 tỷ đồng và đồng ý cho vay trong hạn mức 14 tỷ đồng; tại thời điểm phạm tội Công ty TV mới vay hơn 13 tỷ đồng nằm trong hạn mức cho phép. Việc bán đấu giá tài sản không đúng gây thiệt hại đến tài sản bị cáo, Trung tâm bán đấu giá không tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập nhiều lần; đề nghị hủy kết quả đấu giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thúy V không phạm tội.

Bị cáo Phạm Thị Thúy V thống nhất luận cứ bào chữa và trình bày thêm: Tôi đã bị giam hơn 4 năm chồng Tôi chết, tài sản của Tôi giờ không còn gì, các con Tôi đi ở nhà thuê, đề nghị Tòa trả tự do cho Tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Kim T rút kháng cáo; do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với bị cáo T và xem xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thúy V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đối với bị cáo V và bị cáo T.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thúy V, thấy:

[2.1] Công ty TNHHSX-TM TV(viết tắt là công ty) ký kết với Ngân hàng A2 – Chi nhánh Khu công nghiệp P2(viết tắt là Ngân hàng) 3 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 4309 LAV-201001527 ngày 11/10/2010, số tiền vay 2,2 tỷ để mua nhà xưởng, thời hạn vay 60 tháng; tài sản đảm bảo là nhà xưởng, nhà kho, thửa đất 468 có giá trị 3,5 tỷ(Hợp đồng thế chấp số 141); đến ngày 31/12/2013, Công ty còn nợ số tiền gốc là 809.913.000, đồng; phát mãi tài sản ngày 16/6/2015 được 548 triệu đồng; còn dư nợ 842 triệu đồng. Hợp đồng số 4309- LAV 201001698 ngày 27/11/2010; số tiền vay là 1,8 tỷ để xây dựng nhà xưởng, thời hạn vay 60 tháng; tài sản đảm bảo là tài sản trên thửa đất số 468, có giá trị 10,7 tỷ(Hợp đồng thế chấp số 14); đến ngày 31/12/2013 công ty còn nợ số tiền gốc là 2 tỷ đồng. Hợp đồng số 4309 LAV-200901509 ngày 25/11/2011, Hợp đồng này có hạn mức tín dụng là 14 tỷ, để bổ sung vốn lưu động, hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, sau đó được gia hạn thêm 12 tháng, thời hạn mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận nhưng không quá 6 tháng; bên vay nhận

tiền vay nhiều lần nhưng đảm bảo dư nợ mọi thời điểm không quá 14 tỷ đồng; tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên thứ ba(Hợp đồng số 199,36), tài sản trên thửa đất số 468(Hợp đồng số 14) và xe tải, trạm biến áp(HĐ số 233), có tổng giá trị là 15,4 tỷ đồng; đến ngày 31/12/2013 dư nợ của hợp đồng này là 13,8 tỷ đồng; theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng này thì thủ tục giải ngân: "Mỗi lần nhận tiền vay bên vay ký giấy nhận nợ, kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay phù hợp với Điều 3(mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất nhang xuất khẩu) của hợp đồng này. Bên vay có thể nhận tiền vay nhiều lần nhưng bảo đảm mức dư nợ ở mọi thời điểm không vượt quá hạn mức tín dụng đã ký kết ở Điều 1(Hạn mức cấp tín dụng: Tổng hạn mức cấp tín dụng là 14 tỷ đồng). Từ tháng 4/2012, Phạm Thị Thúy V có hành vi lập khống 18 bộ chứng từ mua nguyên liệu để rút tiền vay theo Hợp đồng tín dụng 4309 LAV-200901509; bị cáo V đã chỉ đạo kế toán Công ty gồm Lê Thị Kim T, Nguyễn Khánh L2, Đào Thị L3 và Lê Thị Thanh T4 lập khống 18 bộ chứng từ nhập kho nguyên liệu là vỏ và lá cây Bời Lời; trong đó Lê Thị Kim T lập khống 17 bộ và Lê Thị Thanh T4 lập khống 1 bộ; Nguyễn Khánh L2 và Đào Thị L3 ký các chứng từ khống do T lập; các chứng từ khống đứng tên 03 công nhân thuộc quyền quản lý của bị cáo V giả làm người bán nguyên liệu cho Công ty TV là ông Lê Đức H3, ông Nguyễn Thế A4 và ông Võ Trường Q2 với mục đích hợp thức hóa, xây dựng các chứng từ nhập kho nguyên liệu không có thật để rút tiền vay vốn của Ngân hàng A2-Chi nhánh Khu công nghiệp P2 tỉnh Bình Định; tổng cộng số tiền: 6.516.000.000, đồng; theo kết quả điều tra , truy tố và xét xử sơ thẩm thì số tiền này Phạm Thị Thúy V chỉ sử dụng 1.571.000.000 đồng vào việc mua nguyên liệu để duy trì sản xuất; sau đó Ngân hàng buộc phải bán phát mãi tài sản của Công ty TV để xử lý tài sản thế chấp(các khoản vay trước đó) nhưng chỉ thu hồi được 1.690.903.000 đồng; còn lại 3.254.096.461 đồng bị cáo Phạm Thị Thúy V đã chiếm đoạt(không có khả năng thanh toán). Tòa án sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Phạm Thị Thúy V 7(bảy) năm tù.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Phạm Thị Thúy V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là chưa có căn cứ bởi các lẽ sau:

[2.2.1] Tại Đơn kháng cáo và tại phiên tòa bị cáo V luôn cho rằng việc bán đấu gía tài sản của Ngân hàng thông qua Trung Tâm đấu giá là không đúng, giá bán thấp hơn rất nhiều so với giá thực tế thị trường của tài sản gây thiệt hại cho gia đình bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp phúc thẩm có cơ sở xác định: Công ty khi vay vốn Ngân hàng có thế chấp 5 loại tài sản với giá trị thẩm định ban đầu của Ngân hàng theo giá thị

trường có tổng giá trị 15.496.315.180, đồng(BL2153), khi Ngân hàng hợp đồng với Trung tâm bán đấu gái tài sản tỉnh Bình Định bán tài sản thế chấp 5 loại tài sản trên chỉ bán được 7.070.959.000 đồng, chênh lệch thiếu 8.425.356.180, đồng(hơn 50% giá trị tài sản thế chấp) giữa giá trị đã thẩm định ban đầu của Ngân hàng và giá bán tài sản thế chấp(trong đó bán qua Trung Tâm đấu giá 4 loại tài sản); cấp sơ thẩm chưa làm rõ được nguyên nhân của chênh lệch thiếu giữa giá ban đầu được Ngân hàng và Công ty TV thống nhất thẩm định với giá bán tài sản thế chấp; việc xác định sai giá trị tài sản thế chấp được Ngân hàng thẩm định ban đầu là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc Ngân hàng không thu hồi đủ nợ cho vay, trách nhiệm này thuộc về Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp là Nhà xưởng V1 giá trị thẩm định 10.767.578.861, đồng(giá thị trường tại thời điểm thẩm định) khi bán Trung tâm bán được: 4.109.094.000, đồng(trong đó tài sản trên đất: 3.990.455.000, đồng và hệ thống biến áp 118.639.000, đồng); đối với nhà và đất tại tổ 11, KV2 Trần Phú, Thành phố Q, tỉnh Bình Định giá thẩm định ban đầu 3.644.000.000, đồng; giá bán đấu giá 2.321.865.000, đồng; mặc dù bị cáo V cùng chồng tự nguyện giao nộp tài sản thế chấp cho Ngân hàng để trả nợ, nhưng thủ tục bán đấu giá Trung Tâm bán đấu giá tỉnh Bình Định chưa tuân thủ các quy định tại Điều 28,49 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 4/3/2010 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản.

[2.2.2] Hợp đồng tín dụng 4309 LAV-200901509 ngày 25/11/2011 giữa Công ty và Ngân hàng là Hợp đồng tín dụng có thế chấp tài sản và có hạn mức tín dụng, bị cáo V có hành vi gian dối lập 18 bộ chứng từ khống để vay 6.516.000.000, đồng nhưng mức vay nằm trọng hạn mức tín dụng đã được Ngân hàng duyệt cho vay; giá trị tài sản thế chấp của Hợp đồng theo kết quả thẩm định ban đầu của Ngân hàng là hơn 15 tỷ đồng, đến thời điểm ngày 31/12/2013 bị cáo V nợ Ngân hàng 13.381.000.000, đồng là trong hạn mức tín dụng. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm chưa xác định và làm rõ được trong 18 bộ chứng từ lập khống để rút số tiền 6.516.000.000, đồng thì số tiền 1.571.000.000, đồng được mua nguyên liệu là lá cây bời lời từ bộ chứng từ nào? số tiền Ngân hàng thu hồi từ bán tài sản thế chấp: 1.690.903.593, đồng là từ tài sản thế chấp nào ? số tiền bị cáo chiếm đoạt: 3.254.096.461, đồng đã vượt quá mức giá trị tài sản thế chấp chưa?.

[2.2.3] Bị cáo Phạm Thị Thúy V có hành vi gian dối lập khống 18 bộ chứng từ để được vay số tiền 6.516.000.000, đồng nhưng chưa có căn cứ để xác định bị cáo V có hành vi chiếm đoạt tài sản, vì bị cáo V khi vay có thế chấp tài sản cho Ngân hàng và số tiền vay trong hạn mức tín dụng được Ngân hàng phê duyệt; việc sử dụng vốn vay sai mục đích của bị cáo không phải là mục đích bất hợp pháp; sau khi không có khả năng trả nợ bị cáo V không bỏ trốn và cùng gia

đình đã tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng; việc bán tài sản thế chấp thu được số tiền thấp hơn nhiều so với giá trị thẩm định ban đầu không phải do bị cáo gây ra; do đó, bị cáo V chưa đủ cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định của Bộ luật hình sự.

[2.2.4] Trong hồ sơ vụ án còn nhiều mâu thuẫn và thiếu sót: Theo quy định của Ngân hàng cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ chứng từ, chấm điểm xét hạng tín dụng, tiến hành thẩm định các điều kiện vay vốn, kiểm tra việc sử dụng vốn vay; Bị cáo V khai tất cả các thủ tục vay do cán bộ tín dụng hướng dẫn lập bị cáo chỉ ký và đóng dấu, vì vậy cần tiến hành đối chất giữa bị cáo V và cán bộ tín dụng Ngân hàng. Trong thời gian dài từ 4/2012 đến cuối tháng 11/2013 bà Võ Thị Thu H4 và Đặng Thị Hồng T5 là cán bộ tín dụng được Ngân hàng phân công hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp hợp lệ của chứng từ; kiểm tra giám sát sử dụng vốn vay của Công ty nhưng không phát hiện được việc Công ty lập các chứng từ giả để rút vốn vay cũng như việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích có dấu hiệu của tội: "Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng". Theo trình bày của đại diện Ngân hàng và bị cáo V tại phiên tòa thì bị cáo V và ông Phùng Hữu Ch(chồng) được Ngân hàng chấp thuận bán một loại tài sản thế chấp là nhà ở và đất ở tại 227 Nguyễn Lữ, KV Bằng Châu, P. Đập Đá, TX A, tỉnh Bình Định gía bán 528 triệu; tuy nhiên tại Công văn số 351/NHNoPT-KHKD ngày 22/11/2018 Ngân hàng cho rằng Ngân hàng đã giao cho Phạm Thị Thúy V và ông Phùng Hữu Ch tự bán 3 loại tài sản thế chấp là có mẫu thuẫn (Bl2153); quá trình điều tra, truy tố, xét xử không đưa Trung Tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Bình Định vào tham gia tố tụng. Mặt khác, ngoài bị cáo Lê Thị Kim T còn có những người khác có hành vi giúp sức cho bị cáo V làm giả chứng từ đồng thời rút tiền từ tài khoản cá nhân do Ngân hàng đã chuyển từ việc làm giả chứng từ để đưa cho bị cáo V nhưng chưa được xem xét là thiếu sót.

[3] Đối với bị cáo Lê Thị Kim T Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tại cấp phúc thẩm bị cáo rút đơn kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đình chỉ về việc xét kháng cáo của bị cáo T; tuy nhiên, do chưa đủ cơ sở kết tội bị cáo Phạm Thị Thúy V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do đó không có căn cứ để xác định bị cáo Lê Thị Kim T là đồng phạm với bị cáo Phạm Thị Thúy V và phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[4] Do có nhiều sai sót như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thúy V, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358

BLTTHS; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định và các phần khác của bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử không xem xét.

Nhận định và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thúy V.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra lại theo thủ tục chung.

2.Các bị cáo Phạm Thị Thúy V, Lê Thị Kim T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn